

**THE DEVELOPMENT
OF THE GERMAN ECONOMY
IN THE PERIOD OF 1924 - 1929**

Ninh Xuan Thao* and Do Ba Long
*Hanoi National University of Education,
Hanoi, Vietnam*

*Corresponding author: Ninh Xuân Thao,
e-mail: thaonx@hnue.edu.vn

Received July 22, 2025.

Revised September 5, 2025.

Accepted October 8, 2025.

**SỰ PHÁT TRIỂN CỦA KINH TẾ ĐỨC
GIAI ĐOẠN 1924 - 1929**

Ninh Xuân Thao* và Đỗ Bá Long
*Trường Đại học Sư phạm Hà Nội,
Hà Nội, Việt Nam*

*Tác giả liên hệ: Ninh Xuân Thao
e-mail: thaonx@hnue.edu.vn

Ngày nhận bài: 22/7/2025.

Ngày sửa bài: 5/9/2025.

Ngày nhận đăng: 8/10/2025.

Abstract. The First World War (1914–1918) resulted in the collapse of the German Empire and to the establishment of the Weimar Republic - one of the most progressive democratic regimes in Europe in the first half of the twentieth century. Facing severe domestic and external challenges, the German government implemented policies aimed at national economy recovery, social stabilization, reintegration into international political life, and the restoration Germany's position in international relations. The development of the German economy in the period 1924–1929 stands as evidence of the effectiveness of sound domestic and foreign policies pursued by a government enjoying public support. Using historical analysis and comparative methods, combined with analytical, synthetic, and comparative approaches, this article examines the manifestations of German economic development during the period 1924–1929 in the fields of industry, trade, and finance–banking, explains the underlying causes, and thereby assesses the significance of this economic development for Germany in this period.

Keywords: Weimar Republic, economy of Germany, period 1924 - 1929.

Tóm tắt. Chiến tranh thế giới thứ Nhất (1914–1918) dẫn đến sự sụp đổ trực tiếp của đế quốc Đức và đưa đến sự ra đời của nền Cộng hòa Weimar – một trong những thể chế dân chủ tiên bộ của châu Âu trong nửa đầu thế kỉ XX. Đối mặt với những khó khăn về cả đối nội và đối ngoại, chính phủ Đức đã thực hiện các chính sách nhằm khôi phục kinh tế đất nước, ổn định và cải thiện đời sống người dân, tái hòa nhập với đời sống chính trị quốc tế, cải thiện vị thế của nước Đức trong quan hệ quốc tế. Sự phát triển của kinh tế Đức giai đoạn 1924–1929 là minh chứng cho hiệu quả của các chính sách đúng đắn về cả đối nội và đối ngoại của một chính phủ được sự ủng hộ của người dân. Bằng phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic, kết hợp với các phương pháp phân tích, tổng hợp, so sánh,... bài viết làm rõ những biểu hiện phát triển của kinh tế Đức giai đoạn 1924 – 1929 trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, tài chính – ngân hàng và giải thích nguyên nhân; từ đó đánh giá ý nghĩa của sự phát triển kinh tế đối với nước Đức trong giai đoạn này.

Từ khóa: Cộng hòa Weimar, kinh tế nước Đức, giai đoạn 1924 - 1929.

1. Mở đầu

Bước ra khỏi Chiến tranh thế giới thứ Nhất (1914 - 1918) với tư cách là nước bại trận, nước Đức phải đối mặt với vô vàn khó khăn. Những điều khoản do các nước thắng trận áp đặt thông

qua Hiệp ước Versailles (28-6-1919) đối với Đức không chỉ ép quốc gia này phải chịu trách nhiệm cho cuộc chiến tranh mà còn đặt ra những khoản bồi thường chiến tranh khổng lồ cho các nước thắng trận, đặc biệt là Anh và Pháp. Nền kinh tế phục hồi chậm chạp sau Chiến tranh tiếp tục bị siêu lạm phát năm 1923 ảnh hưởng nặng nề, cùng với đó là tình hình chính trị - xã hội bất ổn đã đẩy nước Đức rơi vào một khoảng thời gian suy thoái trầm trọng trên mọi phương diện: các phong trào đấu tranh của công nhân và người lao động liên tục bùng nổ trong những năm 1919 - 1922, sự trỗi dậy của chủ nghĩa phục thù chống lại điều khoản 231 “nhục nhã” trong Hiệp ước Versailles, sự chiếm đóng của quân Pháp và Bỉ tại vùng Ruhr năm 1922 - 1923,... Tuy nhiên, từ năm 1924, nước Đức dần đi vào quỹ đạo ổn định và nhanh chóng phát triển. Trong suốt khoảng thời gian 6 năm ổn định (1924 - 1929), nước Đức đã đạt được những thành tựu tiêu biểu trên các lĩnh vực, đặc biệt có thể kể đến sự phát triển về kinh tế.

Nghiên cứu về sự phát triển của kinh tế nước Đức trong giai đoạn 1924 - 1929 đã thu hút sự quan tâm của một số học giả trên thế giới và Việt Nam với nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Công trình nghiên cứu của tác giả Heike Knotz xuất bản năm 2021 [1] đã nghiên cứu tổng quát về kinh tế Đức thời kỳ Cộng hòa Weimar, đặt trong bối cảnh chính trị đương thời. Hai nghiên cứu của tác giả Theodore Balderston [2] [3] tập trung khảo sát quá trình chuyển tiếp của nền kinh tế Đức từ giai đoạn 1924 - 1929 sang giai đoạn 1929 - 1933 thông qua các lĩnh vực như thị trường tài chính, công nghiệp,... đồng thời chỉ ra những nguyên nhân nội tại dẫn tới cuộc khủng hoảng nghiêm trọng sau đó. Bên cạnh đó, Albrecht Ritschl cũng đi sâu vào nghiên cứu sự phát triển đồng thời lí giải về sự sụp đổ của kinh tế Đức trong bối cảnh Đại suy thoái với công trình nghiên cứu xuất bản năm 2003 [4]. Song song với các nghiên cứu tổng quát, một số công trình tiêu biểu đã đi sâu phân tích những lĩnh vực kinh tế cụ thể của Đức trong giai đoạn này, tiêu biểu là công trình nghiên cứu của Robert A. Brady xuất bản năm 1933 [5] đã hệ thống chi tiết quá trình hợp lí hóa trong ngành công nghiệp Đức giai đoạn 1924 - 1929. Về nguyên nhân của sự phát triển kinh tế, Nguyễn Minh Phong đã tiến hành phân tích những tác động của hai kế hoạch kinh tế do Mỹ tiến hành đối với tiến trình phục hồi và phát triển của nước Đức trong giai đoạn Cộng hòa Weimar thông qua luận án năm 2011 [6]. Có thể thấy, mặc dù tư liệu khoa học về kinh tế Đức trong giai đoạn 1924 - 1929 trên thế giới tương đối phong phú, song ở Việt Nam chưa có công trình nào nghiên cứu một cách hệ thống những biểu hiện, nguyên nhân và các ảnh hưởng của sự phát triển đó đến chính trị, xã hội và ngoại giao. Điều này đặt ra yêu cầu về việc lấp đầy khoảng trống nghiên cứu này, từ đó góp phần làm sáng tỏ lịch sử nước Đức giữa hai cuộc chiến tranh thế giới.

Trên cơ sở hệ thống tư liệu trong và ngoài nước, vận dụng phương pháp nghiên cứu lịch sử và logic kết hợp với phân tích, tổng hợp và so sánh, bài viết tập trung làm rõ quá trình phục hồi và phát triển kinh tế của Đức giai đoạn 1924 - 1929 trên các lĩnh vực công nghiệp, thương mại, tài chính và nông nghiệp. Nghiên cứu phân tích những biểu hiện cụ thể của tăng trưởng kinh tế, đồng thời lí giải các nguyên nhân chủ yếu, đặc biệt là vai trò của các chính sách đối nội và đối ngoại của chính phủ Cộng hòa Weimar trong việc khôi phục kinh tế, ổn định xã hội và cải thiện vị thế quốc tế của nước Đức. Trên cơ sở đó, bài viết đánh giá ý nghĩa của sự phát triển kinh tế đối với tiến trình củng cố nền dân chủ Weimar và sự tái hòa nhập của Đức vào đời sống chính trị - kinh tế châu Âu trong giai đoạn “phồn vinh ngắn ngủi” [7; 146] của các nước tư bản chủ nghĩa trước khi Đại suy thoái 1929 - 1933 bùng nổ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Quá trình phục hồi và phát triển kinh tế của Đức giai đoạn 1924 - 1929

** Trên lĩnh vực công nghiệp*

Với vai trò và vị trí quan trọng trong nền kinh tế, công nghiệp của Đức đã đạt được sự phát triển đáng kể kể từ sau chiến tranh. Nếu lấy năm 1913 làm mốc cơ sở bằng 100 (thời điểm trước chiến tranh), thì năm 1925, một năm sau khi kế hoạch Dawes được triển khai, sản xuất công

ngành của Đức đã tăng trở lại bằng mức trước chiến tranh [1; 23]. Từ năm 1925 đến trước năm 1929, sản lượng công nghiệp của Đức tăng trưởng ổn định, ước đạt tăng 7,9%, và chỉ bị gián đoạn nhẹ vào năm 1926, trong khi đó nền kinh tế tăng khoảng 4% mỗi năm trong giai đoạn 1924 - 1929 [8; 182]. Đặc biệt, sản lượng công nghiệp trong hai năm 1928 và 1929, đã tăng 20% so với mức trước chiến tranh.

Cụ thể trong các ngành công nghiệp, gang, thép và sắt (đặc biệt là thép) là những ngành có mức tăng trưởng năng suất cao nhất khi vẫn tiếp tục duy trì được năng suất trước chiến tranh. Đây cũng là những ngành diễn ra quá trình hợp lý hóa sản xuất nhanh và mạnh trong giai đoạn 1924 - 1929, kết hợp với nền tảng từ trước khi một số tập đoàn lớn đã dần thâm nhập ngành công nghiệp thép và biến thành những cartel. Tiêu biểu là sự ra đời của Liên minh Vereinigte Stahlwerke A.G. trên cơ sở hợp nhất 4 tập đoàn thép lớn nhất nước Đức thời điểm bấy giờ là Rhein-Elbe-Union, Thyssen, Phoenix, Rheinische Stahlwerke. Chỉ với 6 tập đoàn có sản lượng đạt từ 1 triệu tấn trở lên đã sản xuất 68,8% tổng sản lượng gang thép của Đức vào năm 1929 [5; 108]. Có thể thấy quá trình hợp lý hóa sản xuất và cartel hóa đã nâng đáng kể mức độ và sản lượng thép tại Đức trong giai đoạn 1924 - 1929.

Một ngành công nghiệp khác cũng đạt được sự phục hồi và phát triển đó ngành khai thác than. Mặc dù trước đó bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi cuộc chiếm đóng của Pháp và tình trạng “phản kháng thụ động” [9] của Đức tại vùng Ruhr, nhưng đến năm 1925, ngành công nghiệp này đã dần khôi phục lại năng suất và tăng trưởng đều đặn từ 100% (1925) lên 126,1% (1929). Đức, với trữ lượng than đá lớn, là nước đi đầu trong việc sản xuất than đá tại châu Âu, vì vậy việc sản xuất than và gia tăng năng suất lao động trong ngành này càng được đẩy mạnh. Sản lượng khai thác trung bình trên mỗi công nhân khai thác than tăng từ 287 tấn (1913) lên 315 tấn (1929); tại các vùng như Thượng Silesia tăng từ 359 tấn (1913) lên 436 tấn (1929); khu vực Hạ sông Rhine tăng từ 296 tấn (1913) lên 395 tấn (1929). Sản lượng đạt được trên mỗi công nhân tăng lên trong khi số lượng lao động không có nhiều biến động, thậm chí tại một số doanh nghiệp khai thác than, số lượng người lao động giảm đi [5; 77-78]. Điều này cho thấy mức độ cải thiện năng suất mạnh mẽ thông qua áp dụng thành công cơ giới hoá, tối ưu hóa vào khai thác và sản xuất công nghiệp.

Công nghiệp sản xuất ô tô, xe máy cũng chứng kiến sự phát triển đáng kể, trở thành một trong những lĩnh vực sản xuất chủ chốt. Sản lượng lắp ráp xe hoàn chỉnh, gồm xe vận tải và xe tải nặng, tăng mạnh vào năm 1927 là 8.755 chiếc (xe vận tải) và 1.362 chiếc (xe tải nặng), vượt thời điểm trước Chiến tranh từ 4 - 8 lần [10; 122]. Số lượng xe hơi được tiêu thụ gia tăng đáng kể, nhất là ở tầng lớp thượng lưu và trung lưu bậc trên (từ 132.000 xe hơi (1924) lên 433.200 xe hơi (1929)). Lượng xe máy tăng từ 98.000 chiếc (1924) lên 608.300 chiếc (1929) [1; 136].

Sự phát triển và tăng trưởng nhanh chóng của sản xuất công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp nặng, có vai trò quan trọng, tạo nền tảng cho sự phục hồi của toàn bộ nền kinh tế Đức. Đây cũng là minh chứng tiêu biểu nhất cho vai trò của nguồn vốn bên ngoài đối với sự phát triển kinh tế cũng như sự vận dụng có hiệu quả các quy trình quản lý, sản xuất theo phương pháp dây chuyền. Tuy nhiên, công nghiệp Đức giai đoạn này phát triển không đều và phụ thuộc nhiều vào nước ngoài, về vốn đầu tư và thị trường tiêu thụ.

** Trên lĩnh vực thương mại*

Trong giai đoạn 1924 - 1929, với sự hỗ trợ từ Kế hoạch Dawes (1924), thương mại của Đức dần phục hồi trở lại và tạo điều kiện cho sự tăng trưởng của xuất khẩu. Sự phục hồi trong xuất khẩu được thể hiện rõ qua các số liệu xuất khẩu hàng hóa ở Đức. Cụ thể, giá trị xuất khẩu của Đức tăng từ 7.810 triệu Reichsmark (1924) lên 13.632 triệu Reichsmark (1929). Xuất khẩu hàng hóa với trung bình năm 1924/1925 đạt 57,5% và năm 1928/1929 đạt 93% [11; 55]. Các mặt hàng được xuất khẩu chủ yếu từ các sản phẩm công nghiệp hoàn chỉnh từ các ngành kỹ thuật, điện, hóa chất, thực phẩm, máy móc,... đã khôi phục đáng kể và liên tục được xuất khẩu sang các nước châu Âu và Mỹ. Đức được coi là nước xuất khẩu lớn thứ ba trên thế giới, sau Mỹ và Anh [1; 117].

Nếu xét các chỉ số điều kiện thương mại, xuất khẩu so với nhập khẩu có sự gia tăng đáng kể và có sự thay đổi trong tỉ lệ xuất khẩu và nhập khẩu giữa các nhóm sản phẩm. Chỉ số xuất khẩu so với nhập khẩu của Đức bắt đầu từ mức 97% vào năm 1924 (so với mức 100 của năm 1913) và dần dần gia tăng trong các năm tiếp theo, lên tới 105,8% vào năm 1929 [11; 59]. Điều này cho thấy xuất khẩu hàng hóa Đức đã có sự phục hồi mạnh, đặc biệt là hàng hóa hoàn chỉnh.

Tuy nhiên, dù xuất khẩu có sự tăng trưởng mạnh nhưng cán cân thương mại của nước Đức giai đoạn 1924 - 1929 hầu như trong tình trạng thâm hụt, nghĩa là nhập khẩu cao hơn xuất khẩu, tình trạng này diễn ra hàng năm trừ năm 1926. Hai năm 1924 và 1925 có sự chênh lệch lớn nhất giữa nhập khẩu và xuất khẩu khi thâm hụt 2.444 triệu Reichsmark (1925) [1; 109]. Ngoài ra, đến những năm 20 của thế kỉ XX, giá trị xuất khẩu của Đức giảm dần và chỉ gần chạm đến mức năm 1913 vào năm 1929 với 98% [1; 117]. Tỉ trọng xuất khẩu của Đức đạt 17% và thị phần trong thương mại toàn cầu của Đức là 9% (1928). Nếu so sánh với giai đoạn trong chiến tranh, Đức đã đạt được mức độ phục hồi tương đối tốt, nhưng chưa đạt bằng với giai đoạn trước chiến tranh (1913). Điều này thể hiện nền kinh tế nước Đức chưa hồi phục hoàn toàn và phần nào vẫn bị phụ thuộc vào các hàng hóa nhập khẩu để phục vụ cho công cuộc tái thiết đất nước và sản xuất nội địa.

Một trong những lí do chính dẫn đến thâm hụt cán cân thương mại trong suốt giai đoạn này là mức đầu tư trong việc nhập khẩu nguyên liệu thô và hàng hóa trung gian. Đức cần nhập khẩu các nguyên liệu và vật liệu xây dựng cần thiết nhằm phục hồi nền công nghiệp nặng đồng thời tái thiết cơ sở hạ tầng sau chiến tranh. Do vậy, mặc dù xuất khẩu hàng hóa chế tạo có xu hướng tăng mạnh nhưng cán cân thương mại vẫn nghiêng về phía nhập siêu. Ngoài ra, gánh nặng bồi thường chiến tranh theo Hiệp ước Versailles cũng góp phần khiến cán cân thương mại tiếp tục âm, khi quốc gia này phải ưu tiên nhập khẩu các sản phẩm thiết yếu trong khi hạn chế được năng lực xuất khẩu những mặt hàng có giá trị cao.

** Trên lĩnh vực tài chính*

Có ba chu kỳ trong sự phát triển kinh tế Đức giai đoạn Cộng hòa Weimar: lạm phát (1918 - 1923), ổn định tương đối (1924 - 1929), và suy thoái (1929 - 1933). Siêu lạm phát năm 1923 đã “phá hủy” thị trường vốn nội địa, làm mất niềm tin vào hệ thống tài chính và gây ra khủng hoảng xã hội sâu rộng. Nhưng sang đến năm 1924, chính phủ Đức đã khôi phục niềm tin vào hệ thống tài chính trong nước và cả trên thị trường quốc tế. Dữ liệu về cán cân thanh toán của Đức giai đoạn 1924 - 1929 cho thấy: trong hai năm 1924 - 1925, nền tài chính rơi vào tình trạng khó khăn với mức thâm hụt cán cân vãng lai lớn (-1.383 và -1.988 triệu Reichsmark). Từ 1926 đến 1929, tình hình dần ổn định khi thâm hụt giảm mạnh, từ -1.152 triệu Reichsmark năm 1926 xuống còn -132 triệu Reichsmark năm 1929, phản ánh sự phục hồi của sản xuất và xuất khẩu. Đức tiếp tục được hỗ trợ bởi dòng vốn dài hạn (khoảng +1.210 đến +1.268 triệu Reichsmark), cùng với sự gia tăng đầu tư ngắn hạn và các giao dịch thương mại, góp phần duy trì hoạt động kinh tế. Dòng vàng và ngoại tệ dần ổn định, cho thấy vị thế tài chính của Đức từng bước được củng cố. Mặc dù vậy, gánh nặng bồi thường chiến tranh vẫn rất lớn và thâm hụt đạt đỉnh -2.337 triệu Reichsmark năm 1929 [3; 490].

Ngoài ra, trong giai đoạn 1924 - 1929, nước Đức đã chứng kiến mức tăng trưởng đầu tư đáng kể. Đầu tư ròng đạt đỉnh lên tới 11,3 tỉ Reichsmark (1927), trong đó công nghiệp (đặc biệt là ngành đường sắt) và thương mại được chú trọng đầu tư nhiều nhất, thể hiện ưu tiên của chính phủ Đức trong việc thúc đẩy sản xuất công nghiệp, hiện đại hóa sản xuất và cơ sở hạ tầng. Chi tiêu công của chính phủ tăng từ 7,9 tỉ Reichsmark (1925) lên 9,2 tỉ Reichsmark (1929) nhằm phục vụ cho việc xây dựng các hạ tầng và dịch vụ công cộng [2; 95].

Bên cạnh đó, thị trường chứng khoán và trái phiếu ở Đức phát triển mạnh trong giai đoạn 1924 - 1929, với 70% trái phiếu tư nhân Đức phát hành ở nước ngoài. Do những ảnh hưởng của Kế hoạch Dawes, Hoa Kỳ trở thành chủ nợ lớn nhất của nước Đức thể hiện qua việc Hoa Kỳ nắm giữ hơn 40 phần trăm tổng các khoản vay bên ngoài của Đức [12]. Điều này vừa giúp nước Đức

phục hồi nhanh chóng, song cũng tạo ra sự phục thuộc của nền tài chính Đức vào dòng vốn quốc tế. Than, sắt thép, hàng hải và đường sắt là những ngành phụ thuộc lớn nhất vào vốn nước ngoài.

Nhìn chung, nhờ vào phần lớn vốn quốc tế từ Kế hoạch Dawes (1924) cùng với các chính sách ổn định tiền tệ của chính phủ, tài chính của Đức có sự phục hồi tạm thời. Việc phụ thuộc nhiều vào lượng vốn quốc tế trong ngắn hạn đã giúp kích thích đầu tư đến các lĩnh vực kinh tế cũng như tạo uy tín đối với các nhà đầu tư. Mặt khác, điều này cũng ảnh hưởng đến cấu trúc tài chính và kinh tế Đức, đặc biệt là ở giai đoạn 1929 - 1933 khi Đại suy thoái diễn ra trên quy mô toàn cầu.

** Trên lĩnh vực nông nghiệp*

Ngay sau khi Chiến tranh thế giới thứ nhất kết thúc, nông nghiệp Đức phải đối mặt với những biến động phức tạp. Chiến tranh không chỉ tàn phá cơ sở vật chất, giảm số lượng lao động trong nông nghiệp mà việc khai thác tài nguyên quá mức cũng làm giảm độ phì nhiêu của đất đai. Đồng thời, tình trạng máy móc và thiết bị xuống cấp, các phương pháp canh tác lỗi thời càng khiến cho nông nghiệp của nước Đức suy giảm.

Trong bối cảnh đó, vận dụng hợp lý hóa vào sản xuất nói riêng và hiện đại hóa nông nghiệp nói chung trở thành mục tiêu then chốt nhằm nâng cao năng suất, tăng sức cạnh tranh cho nông nghiệp Đức. Quá trình này tập trung vào áp dụng phương pháp canh tác khoa học, cơ giới hóa, tiêu chuẩn hóa sản phẩm và cải thiện phân phối. Đức đẩy mạnh nghiên cứu giống, kỹ thuật canh tác, sử dụng phân bón và phòng trừ dịch bệnh; đồng thời khuyến khích thay thế sức kéo động vật bằng máy kéo, động cơ và các loại máy móc như máy cày, gieo hạt, thu hoạch. Song song với hợp lý hóa và cơ giới hóa, chính phủ Weimar tăng cường giáo dục và tuyên truyền, mở trường dạy nghề, trang trại thí nghiệm và phổ biến kiến thức kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ sản xuất của nông dân. [5; 275 - 278].

Những biện pháp này đã đem lại sự phục hồi trong ngành nông nghiệp trong giai đoạn 1924 - 1929. Tổng sản lượng nông nghiệp (tính theo triệu mark năm 1913) tăng đáng kể từ 9.198 triệu Reichsmark năm 1925 lên đến đỉnh điểm 10.975 triệu Reichsmark năm 1928, trước khi giảm nhẹ xuống 10.872 triệu Reichsmark năm 1929 [2; 321]. Trong ngành trồng trọt sản lượng của các mặt hàng nông sản hầu như đều có xu hướng phục hồi tương đối, trong đó lúa mì và lúa mạch đạt mức phục hồi tốt nhất, sau đó là lúa mạch đen, yến mạch,... Tuy nhiên, sản lượng của các nông sản phục hồi không đồng đều trong 5 năm (trừ củ cải đường), và phải đối mặt với sự sụt giảm về sản lượng so với thời điểm trước chiến tranh. Không chỉ riêng trong ngành trồng trọt mà giữa giá trị sản xuất giữa trồng trọt và chăn nuôi cũng có sự chênh lệch nhất định. Nếu giá trị sản xuất ngành trồng trọt tương đối không ổn định thì ngành chăn nuôi có xu hướng tăng trưởng rõ rệt và ổn định hơn với giá trị cao hơn (đạt 3.916 triệu Reichsmark vào năm 1925 lên 4.897 triệu Reichsmark vào năm 1928) [2; 321].

Một trong những nguyên nhân chủ yếu của sự phát triển không đều trong nông nghiệp là những áp lực từ thị trường quốc tế như chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch và cạnh tranh giá cả từ sản phẩm của các quốc gia. Chi phí sản xuất trong giai đoạn 1924 - 1929 gia tăng gồm chi phí lao động và thiết bị cũng làm giảm lợi nhuận của nông dân. Ngoài ra, tình trạng phân mảnh đất canh tác cũng ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển của nông nghiệp, theo đó các trang trại nhỏ có diện tích dưới 5 héc-ta chiếm tỉ lệ đa số [2; 272], gây khó khăn cho việc tập trung vốn cũng như áp dụng các thành tựu khoa học, kỹ thuật canh tác tiên tiến.

2.2. Nguyên nhân phát triển của kinh tế Đức (1924 - 1929)

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến sự phát triển của kinh tế Đức trong giai đoạn “phồn vinh ngắn ngủi” này. Trong khuôn khổ bài nghiên cứu này, chúng tôi tập trung phân tích và làm rõ một số nguyên nhân chủ quan và khách quan.

** Tác động từ Kế hoạch Dawes (1924) của Mỹ*

Sau Chiến tranh thế giới thứ nhất, Đức rơi vào khủng hoảng toàn diện và phải bồi thường

chiến phí cho phe Hiệp ước. Tại Hội nghị Boulogne-sur-Mer (6-1920), các nước thắng trận tạm yêu cầu Đức bồi thường 226 tỉ mark vàng, tính cả lãi lên tới 400 tỉ mark, trả trong 42 năm (1921 - 1963). Sau đó, Ủy ban Bồi thường ấn định chính thức mức 132 tỉ mark vàng (27-4-1921) [13]. Khoản bồi thường không chỉ bằng tiền mà còn bằng hiện vật như than, vàng, hàng hóa... nhằm phục hồi kinh tế các nước thắng trận (Điều 235) [14]. Gánh nặng này khiến kinh tế Đức kiệt quệ và đứng trước nguy cơ vỡ nợ, buộc Mỹ phải can thiệp. Một kế hoạch do Charles Dawes đề xuất được Hội nghị London (16-7-1924) thông qua, quy định Đức bồi thường 132 tỉ mark vàng (31,5 tỉ USD), với mức trả 1 tỉ mark năm 1924 và tăng dần lên 2,5 tỉ mark từ năm thứ năm; đồng thời Anh và một số nước hoãn nợ cho Đức. Kế hoạch cũng đề ra các cải cách tài chính như tăng dự trữ vàng, ổn định tiền tệ và cải tổ thuế khóa [6].

Kế hoạch Dawes xác định tổng mức bồi thường và lộ trình thực hiện, yêu cầu Đức cải cách tài chính như ổn định ngân sách, cải tổ thuế và huy động nguồn thu từ thuế vận tải, trái phiếu đường sắt, trái phiếu công nghiệp để thanh toán cho Đồng minh. Đồng thời, phe Hiệp ước (đặc biệt là Mỹ và Anh) cam kết hỗ trợ Đức, nổi bật là khoản vay khoảng 200 triệu USD từ các ngân hàng nước ngoài, chủ yếu của Mỹ [12]. Kế hoạch này tạo điều kiện thuận lợi cho việc chi trả bồi thường và cung cấp nguồn vốn quan trọng để phục hồi hạ tầng kinh tế. Tuy nhiên, đến năm 1929, khi tỉ lệ nợ của Đức vẫn ở mức cao (32,5% năm 1928 và 40,6% năm 1929) [6; 45], Mỹ tiếp tục can thiệp thông qua Kế hoạch Young do Owen D. Young đề xuất nhằm giải quyết dứt điểm vấn đề bồi thường.

Có thể thấy, Kế hoạch Dawes (1924) đóng vai trò quan trọng trong việc hoạch định rõ ràng cơ chế bồi thường chiến phí của Đức, đồng thời hỗ trợ nền kinh tế Đức phục hồi trong giai đoạn khó khăn sau Chiến tranh thế giới thứ nhất. Ngoài ra, kế hoạch kinh tế này cũng mở đường cho các nước tư bản như Mỹ đầu tư vào Đức với dòng vốn đầu tư là 15 tỉ mark giai đoạn 1924 - 1929 [7; 149]. Kế hoạch Dawes (1924) tạo điều kiện thuận lợi cho nước Đức, giúp quốc gia này tiếp cận được nguồn tín dụng quốc tế (đặc biệt là từ Mỹ), rồi sau đó đem số tiền vay này để trả nợ bồi thường nhằm giảm nhẹ gánh nặng bồi thường chiến tranh. Một quan chức cấp cao trong Bộ Ngoại giao của Đức năm 1927 đã đề cập rằng: *“Chúng ta càng nhận nhiều nợ thương mại, chúng ta càng phải trả ít tiền bồi thường hơn”*. Điều này đã thể hiện phần nào tầm nhìn và hành động của lãnh đạo trong bộ máy chính phủ Đức bấy giờ khi họ muốn thực hiện một *“canh bạc về tiền bồi thường”* [4; 213].

* Vai trò của quan hệ kinh tế Đức - Liên Xô

Trong giai đoạn 1924 - 1929, quan hệ giữa Liên Xô và Đức có những thay đổi đáng kể. Kể từ năm 1919, hai quốc gia này chịu sự “ruồng bỏ” của các quốc gia phương Tây, do đó chính phủ hai nước đều muốn phá vỡ thế cô lập đã tìm đến một thỏa thuận có lợi cho hai bên. Vì vậy, ngày 16-4-1922, Đức và nước Nga Xô viết đã cùng ký bản hiệp ước Rapallo, thiết lập lại quan hệ ngoại giao giữa hai nước cũng như xây dựng mối quan hệ thương mại mà ở đó Đức trở thành đối tác thương mại quan trọng của Liên Xô. Đây là nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự phát triển trong mối quan hệ giữa hai quốc gia, đồng thời tạo ra một bước đệm cho tăng trưởng kinh tế của Đức trong giai đoạn 1924 - 1929.

Cụ thể, về phía Liên Xô, nước này đã liên tục tăng cường xuất khẩu khí ga sang Đức với con số đó là 1.477 tấn giai đoạn 1924 - 1925, 2.274 tấn năm 1926 và 1927 - 1928 là 2.699 tấn [15; 60]. Lượng hàng hóa Liên Xô xuất khẩu sang Đức chiếm 29% năm 1928. Ngược lại, từ phía Đức, giá trị xuất khẩu của Đức sang Liên Xô đạt 266 triệu mark trong giai đoạn này. Không dừng lại ở việc xuất khẩu và tăng cường giao thương, Liên Xô và Đức cũng tăng cường hỗ trợ lẫn nhau trong việc phát triển khoa học - kĩ thuật. Theo đó, Liên Xô hỗ trợ ngầm cho Đức chế tạo và thử nghiệm vũ khí quân sự. Ngược lại, Đức cho Liên Xô tiếp cận với các kĩ thuật phát triển về công nghiệp của nước này. Trong năm 1924, quân đội Đức (Reichswehr) đã thành lập tổ chức Gesellschaft zur Förderung gewerblicher Unternehmungen G. m.b.H. nhằm chỉ đạo các mối quan hệ công nghiệp

- quân sự với Nga Xô viết. Quân đội đế chế Đức cũng vận hành các trạm thử nghiệm và vũ khí chiến tranh tại Nga như máy bay, xe tăng,... [16; 538].

Như vậy, sự phát triển trong quan hệ giữa Liên Xô là một yếu tố quan trọng tác động tới sự phát triển kinh tế của Đức trong giai đoạn 1924 - 1929. Mặc dù quan hệ song phương trên đến từ những toan tính hay lợi ích quốc gia ở hai phía trong bối cảnh bị bao vây cấm vận song những ảnh hưởng tích cực trên kinh tế trong một giai đoạn nhỏ cũng đã phản ánh được giá trị đã đem lại cho hai nước. Đối với Đức, sự hỗ trợ từ phía Liên Xô đã có những đóng góp lớn đối với sự phát triển kinh tế của Đức giai đoạn 1924 - 1929.

** Vai trò điều hành của chính phủ và Thủ tướng Gustav Stresemann*

Gustav Stresemann (1878 - 1929) là Thủ tướng và Bộ trưởng Bộ ngoại giao của cộng hòa Weimar. Ông có vai trò đặc biệt quan trọng trong sự phục hồi kinh tế Đức từ năm 1924 đến năm 1929. Những hành động quyết liệt của ông như ổn định tình hình chính trị trong nước, cải cách nội các,...; và những chính sách ngoại giao như kí kết Hiệp ước Locarno hay thông qua kế hoạch bồi thường do Mỹ đề xuất; đã tạo nền tảng cho nền kinh tế Đức phát triển trong giai đoạn 1924 - 1929.

Một trong những hành động đầu tiên mà Gustav Stresemann thực hiện là giải quyết cuộc khủng hoảng chính trị trong nước. Đối với tình trạng phản kháng thụ động diễn ra tại thung lũng Ruhr, ông đã thực hiện bằng việc cử Wilhelm Sollmann, Bộ trưởng Nội vụ thuộc Đảng Dân chủ Xã hội đến giải thích với quan chức và lãnh đạo tại địa phương về ý định của chính phủ. Kết quả, ngày 26-9-1923, chính phủ đã công bố chấm dứt chính sách phản kháng thụ động [17; 118]. Song song với đó, nhằm chấm dứt hoàn toàn việc chiếm đóng tại Ruhr và vùng Rhineland trên lãnh thổ, Stresemann cũng thực hiện việc ngoại giao với chính phủ Pháp và Anh về việc kí Hiệp ước an ninh chung trong khuôn khổ hệ thống Versailles - Washington (hay Hiệp ước Locarno). Hiệp ước Locarno ra đời (1925) đã không chỉ đảm bảo cho an ninh và độc lập của nước Đức trong nước mà còn nâng cao vị thế của nước này trong hệ thống quốc tế thời bấy giờ.

Một trong những thành tựu nổi bật của Gustav Stresemann là ổn định tiền tệ trong khủng hoảng 1923. Tháng 10-1923, ông thay Bộ trưởng Tài chính Rudolf Hilferding bằng Hans Luther, thể hiện quyết tâm cải cách tài chính. Dưới sự phối hợp của Luther và Hjalmar Schacht, chính phủ ban hành luật tiền tệ mới (15-10-1923), phát hành đồng Rentenmark thay thế papiermark (tiền mark giấy) mất giá, với giá trị bảo đảm bằng tài sản công nghiệp và đất nông nghiệp thay vì vàng. Để hỗ trợ cho quá trình chuyển đổi này, vào ngày 20-11, đồng papiermark được cố định ở mức 4,2 nghìn tỉ papiermark đổi lấy 1 dollar Mỹ. Điều này giúp Luther và Schacht khôi phục lại tỉ giá hối đoái của đồng mark vàng theo giá trị năm 1913 (4,2 mark đổi 1 đô la), đồng thời thiết lập tỉ giá hối đoái giữa papiermark và Rentenmark ở mức một nghìn tỉ papiermark đổi một Rentenmark [18; 395]. Đến 30-8-1924, sau khi Reichstag phê chuẩn Kế hoạch Dawes, Rentenmark được thay bằng Reichsmark và gắn lại với chế độ bản vị vàng, hoàn tất quá trình ổn định tiền tệ.

Có thể thấy, Gustav Stresemann giữ vai trò quan trọng trong việc ổn định nền kinh tế Đức thông qua tầm nhìn chiến lược và khả năng lãnh đạo xuất sắc. Việc giải quyết khủng hoảng về chính trị và ngoại giao tạo tiền đề vững chắc cho các cuộc cải cách kinh tế. Đồng thời, việc bổ nhiệm những cá nhân xuất sắc như Hans Luther hay Hjalmar Schacht vào vị trí chủ chốt còn cho thấy sự quyết đoán của ông nhằm đảm bảo cho các chính sách kinh tế được thực hiện hiệu quả. Stresemann đã thực sự chèo lái đất nước của mình qua “con bão” chính trị mà còn mở đường cho sự hồi sinh của nền kinh tế Đức.

** Hiệu quả của quá trình hợp lí hóa sản xuất*

“Hợp lí hóa” sản xuất (rationalization) là một thuật ngữ kinh tế đặc trưng cho giai đoạn 1924-1929 ở Đức, chỉ các biện pháp và quy trình cải tiến nhằm tối ưu hiệu quả kinh tế, giảm chi phí và tăng năng suất lao động trong các doanh nghiệp. Đây không chỉ là một quá trình tổ chức lại kĩ thuật sản xuất, mà còn là việc áp dụng các thành tựu của khoa học quản lí và công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực cạnh tranh. Trong giai đoạn này, hợp lí hóa được xem là một trong những

yếu tố quan trọng nhất giúp Đức vượt qua khủng hoảng sau chiến tranh và thúc đẩy sự phục hồi mạnh mẽ của nền kinh tế.

Trong bối cảnh khó khăn, hợp lý hóa công nghiệp trở thành nhu cầu cấp thiết nhằm khắc phục tình trạng lạc hậu kỹ thuật, giải quyết thiếu hụt tài nguyên và nâng cao năng suất lao động. Khoa học, với vai trò cung cấp các phương pháp và công cụ mới, đã trở thành nền tảng cho quá trình hợp lý hóa. Người Đức đã áp dụng các mô hình tổ chức sản xuất từ Mỹ, như dây chuyền sản xuất của Henry Ford, đồng thời cải tiến để phù hợp với điều kiện trong nước. Điều này không chỉ giúp giảm chi phí mà còn tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế [5; 4].

Một số hình thức hợp lý hóa được áp dụng tại Đức có thể kể đến như: thứ nhất, thiết kế hợp lý việc sử dụng lực lượng lao động (Scientific Management); thứ hai, hợp lý hóa kỹ thuật: sử dụng thiết bị cơ khí và máy móc thay cho công việc thủ công; thứ ba, hợp lý hóa trong nội bộ doanh nghiệp: hệ thống hóa và cải thiện cơ cấu tổ chức; thứ tư, hợp lý hóa liên doanh nghiệp: hợp tác và phối hợp giữa các doanh nghiệp về mặt pháp lý và kinh tế (trong kinh tế, đây là hình thức độc quyền cartel) [1; 136]. Quá trình hợp lý hóa diễn ra mạnh mẽ nhất trong các ngành công nghiệp chủ chốt tại Đức như công nghiệp ô tô, công nghiệp than, công nghiệp sắt thép, công nghiệp máy móc, công nghiệp năng lượng... Ví dụ trong ngành công nghiệp ô tô, công ty Opel đã thực hiện hợp lý hóa kỹ thuật giúp số lượng xe bán ra tại Đức gia tăng đáng kể. Tác động của hợp lý hóa không chỉ dừng lại ở việc tăng trưởng kinh tế mà còn tạo ra sự chuyển biến sâu sắc về xã hội và đời sống dân sinh.

2.3. Ý nghĩa của sự phát triển kinh tế Đức giai đoạn 1924 - 1929

Giai đoạn 1924 - 1929 là một bước chuyển mình đầy ấn tượng của một quốc gia chịu nhiều những khó khăn và tổn thất như nước Đức. Sự phục hồi và phát triển kinh tế có ý nghĩa sâu sắc và tác động đa chiều đến mọi mặt đời sống chính trị, xã hội và văn hóa của nước Đức.

Sự phục hồi kinh tế Đức giai đoạn này góp phần giảm bớt căng thẳng xã hội và tạo điều kiện cho một giai đoạn ổn định tạm thời. Việc giải quyết một phần gánh nặng bồi thường chiến phí thông qua Kế hoạch Dawes (1924) đã đem lại nền tảng tài chính tương đối vững chắc, cho phép chính phủ thực thi các chính sách phát triển kinh tế và ổn định xã hội. Niềm tin của người dân đối với nền Cộng hòa Weimar nhờ đó cũng được củng cố. Trật tự xã hội ổn định giúp hạn chế các cuộc nổi dậy từ những lực lượng chống đối, bao gồm cả các đảng cực hữu như NSDAP và DNVP, cũng như các nhóm cánh tả như KPD. Kết quả bầu cử Reichstag năm 1924 phản ánh rõ điều này: các đảng dân chủ ôn hòa như SPD, DDP và BVP đều giành được nhiều tín nhiệm, trong khi ảnh hưởng của các đảng cực đoan suy giảm. Cụ thể, tỉ lệ phiếu bầu của SPD tăng từ 20,5% lên 31,6%, còn liên minh giữa DNVP và NSDAP giảm từ 6,5% xuống chỉ còn 3% [19; 50]. Điều đó cho thấy trong giai đoạn phục hồi, nền dân chủ nghị viện đã tạm thời giành thắng lợi trong việc duy trì ổn định chính trị tại Đức.

Trong giai đoạn 1924 - 1929, Nhà nước Weimar đã mở rộng đáng kể các chương trình phúc lợi xã hội, bao gồm bảo hiểm thất nghiệp, hỗ trợ người nghèo và các dịch vụ y tế công cộng. Song song với đó, chính phủ Weimar cũng chú trọng phát triển giáo dục như một công cụ thúc đẩy công bằng xã hội. Luật Giáo dục tiểu học năm 1920 đánh dấu bước ngoặt lớn khi quy định giáo dục phổ thông bắt buộc cho tất cả trẻ em, bất kể tầng lớp xã hội hay tín ngưỡng. Nhờ đó, hệ thống trường công lập được mở rộng, tạo điều kiện để mọi học sinh đều có thể tiếp cận một nền giáo dục cơ bản, đồng đều và không phân biệt [20; 25].

Trên lĩnh vực văn hóa, đời sống văn hóa Đức phát triển mạnh mẽ dưới tác động của chiến tranh, cách mạng, nền dân chủ non trẻ, tiến bộ công nghệ và ảnh hưởng của văn hóa Mỹ. Trong giai đoạn này, báo chí đóng vai trò nổi bật trong việc định hình văn hóa đại chúng. Năm 1928, nước Đức có tới 3.356 tờ báo, trong đó Berliner Illustrierte Zeitung (BIZ) dẫn đầu với lượng phát hành gần 1,9 triệu bản năm 1930 [21]. Điện ảnh cũng phát triển vượt bậc, đưa Đức trở thành quốc gia tiên phong ở châu Âu trong sản xuất và phân phối phim; đến năm 1925, mỗi ngày có khoảng

2 triệu vé được bán ra, và sự ra đời của phim có tiếng vào năm 1929 càng làm bùng nổ nhu cầu thưởng thức điện ảnh của người dân. Song song với đó, đài phát thanh lan tỏa rộng rãi: từ 10.000 người nghe năm 1924 tăng lên hơn 4 triệu vào năm 1932, trực tiếp đưa âm nhạc, bài giảng và các chương trình đọc thơ đến từng gia đình [21].

Về đối ngoại, dòng vốn đến từ Kế hoạch Dawes (1924) đã giúp nước Đức có thể “ngẩng cao đầu trong quan hệ với thế giới tư bản” [6; 48]. Nước Đức không chỉ xoa dịu được tình trạng căng thẳng với một số quốc gia châu Âu như Pháp, Anh mà Đức cũng được triệu tập và tham gia vào hội nghị quốc tế Locarno trong khuôn khổ hệ thống Versailles - Washington diễn ra từ ngày 5 đến ngày 16-10-1925. Các hiệp ước đảm bảo chung giữa các quốc gia và Đức, trong đó có hiệp ước Pháp - Đức, Đức - Bỉ, Đức - Tiệp, Đức - Ba Lan đã được kí kết giúp bảo vệ đường biên giới các nước theo những điều khoản của hệ thống Versailles. Ngoài ra, cũng tại hội nghị này mà nước Đức đã được đồng ý tham gia Hội Quốc liên.

Tóm lại, giai đoạn 1924 - 1929 chứng kiến sự phục hồi và phát triển kinh tế đáng kể ở nước Đức. Sự phát triển đó đã mang lại những tác động tích cực đến chính trị (ổn định một cách tương đối, củng cố dân chủ), xã hội (nâng cao mức sống cho một bộ phận dân cư, phát triển đô thị, thay đổi cơ cấu xã hội, xuất hiện lối sống tiêu dùng, giải phóng phụ nữ, phát triển phúc lợi xã hội) và văn hóa (sự nở rộ văn hóa Weimar, thay đổi lối sống và tư tưởng).

3. Kết luận

Giai đoạn 1924 - 1929 thường được xem là thời kỳ “phồn vinh ngắn ngủi” của nước Đức dưới thời Cộng hòa Weimar, khi nền kinh tế phục hồi đáng kể nhờ các yếu tố chủ quan và khách quan: Kế hoạch Dawes, quan hệ với Liên Xô, hiệu quả của các cải cách kinh tế - tài chính và quá trình hợp lý hóa sản xuất trong công nghiệp. Sự tăng trưởng trong công nghiệp, thương mại và tài chính đã góp phần cải thiện đời sống xã hội và củng cố vị thế quốc tế của Đức. Tuy nhiên, sự phát triển này dựa phần lớn vào nguồn vốn vay nước ngoài, đặc biệt từ Hoa Kỳ, đồng thời xuất hiện tình trạng át cân đối về cơ cấu giữa các ngành kinh tế. Khi Đại suy thoái 1929 - 1933 bùng nổ, dòng vốn quốc tế bị rút đột ngột đã làm bộc lộ những điểm yếu nội tại, khiến nền kinh tế Đức nhanh chóng rơi vào khủng hoảng nghiêm trọng. Khủng hoảng kinh tế không chỉ làm gia tăng thất nghiệp và bất ổn xã hội mà còn làm suy giảm niềm tin vào chính phủ, tạo điều kiện cho các lực lượng cực đoan trỗi dậy, dẫn tới sự lên nắm quyền của Adolf Hitler.

Từ việc phân tích các biểu hiện tăng trưởng, nguyên nhân thúc đẩy và tác động của sự phát triển kinh tế giai đoạn 1924 - 1929, nghiên cứu khẳng định những nỗ lực đáng kể của nước Đức trong quá trình phục hồi sau Chiến tranh thế giới thứ Nhất, đồng thời chỉ ra tính chất thiếu bền vững của mô hình tăng trưởng dựa chủ yếu vào nguồn vốn bên ngoài. Qua đó, bài viết góp phần làm rõ hơn đặc điểm kinh tế của nước Đức trong thời kỳ giữa hai cuộc chiến tranh thế giới và giúp nhận diện sâu sắc hơn mối quan hệ giữa phục hồi kinh tế và tính ổn định của một chế độ dân chủ non trẻ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Knortz H, (2021). *Deutsche Wirtschaftsgeschichte der Weimarer Zeit*. UTB Press.
- [2] Balderston T, (1979). *Cyclical Fluctuations in Germany 1924-30*, Ph.D. thesis, University of Edinburgh.
- [3] Balderston T, (1982). *The Origins of Economic Instability in Germany 1924-1930. Market Forces versus Economic Policy*. VSWG: Vierteljahrschrift Für Sozial-UndWirtschaftsgeschichte, 69(4). pp.488-514. <http://www.jstor.org/stable/20731551>
- [4] Ritschl A, (2003). *Chapter: Dancing on a Volcano: The Economic Recovery and Collapse of Weimar Germany, 1924-33*. In: Balderston, T. (eds) *The World Economy and National Economies in the Interwar Slump*. Palgrave Macmillan, London.

- [5] Brady RA, (1933). *The rationalization movement in German industry: A study in the evolution of economic planning*. University of California Press.
- [6] NM Phong, (2011). *Chính sách đối ngoại của Mỹ đối với Đức thông qua kế hoạch Dawes (1924) và kế hoạch Young (1929)*. Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [7] TT Vinh, (2020). *Chủ nghĩa tư bản - Lịch sử thăng trầm 120 năm (1900 - 2020)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật. Hà Nội.
- [8] Holtfrerich CL, (1986). *The German inflation, 1914-1923: Causes and effects in international perspective* (T. Balderston, Trans.). Walter de Gruyter. (Original work published 1980).
- [9] Cambridge Advanced Learner's Dictionary & Thesaurus. Cambridge University Press. <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/passive-resistance>. Theo từ điển Cambridge, “*phản kháng thụ động*” có thể hiểu là: “*Hành động thể hiện một cách hòa bình rằng bạn phản đối điều gì đó, thay vì sử dụng bạo lực*”. Định nghĩa từ “Passive resistance”, (2025, June).
- [10] Statistisches Reichsamts, (1929). *Wirtschaft und Statistik (Năm thứ 9, Số 1)*. Berlin.
- [11] Braun HJ, (1990). *The German Economy in the Twentieth Century: The German Reich and the Federal Republic*. Routledge. London and New York.
- [12] Hall G, (2025, May). *Chapter 1: Complications for the United States from International Credits: 1913-40*. In *Debt and Entanglements Between the Wars*. USA: International Monetary Fund. <https://www.elibrary.imf.org/display/book/9781513511795/ch001.xml>.
- [13] Department of State, (2025, May). *Papers relating to the foreign relations of the United States, 1919: Section I.—General provisions (Art. 231 to 244)*. United States Government Printing Office. <https://history.state.gov/historicaldocuments/frus1919Parisv13/ch17subch1>.
- [14] The Lillian Goldman Law Library, (2008). *The Avalon Project: The Versailles Treaty June 28, 1919*. Yale Law School.
- [15] TN Dũng, (2011). *Quan hệ kinh tế Liên Xô - Đức giai đoạn 1922 - 1941*. Tạp chí Nghiên cứu châu Âu - European Studies Review N04 (127). 57-66.
- [16] Gatzke, Hans W, (1958). *Russo - German Military Collaboration during the Weimar Republic*. The American Historical Review 63 (3). pp. 565-597. <https://doi.org/10.2307/1848881>.
- [17] Turner HA, (1963), *Stresemann and the policies of Weimar Republic*. Princeton University Press.
- [18] Vincent CP, (1997). *A historical dictionary of Germany's Weimar Republic, 1918 -1933*. Greenwood Press.
- [19] Piper E, (2021), *Geschichte des Nationalsozialismus: Von den Anfängen bis heute*. Bundeszentrale für politische Bildung.
- [20] Heinrich K, (1980), *Weimarer schulpolitik in der wirtschaftsund staatskrise der republik*. Vierteljahrshefte für Zeitgeschichte. http://www.ifz-muenchen.de/heftarchiv/1980_1.pdf.
- [21] Reinhard S, (2011), *Zwischen Festigung und Gefährdung 1924-1929*. <https://www.bpb.de/themen/erster-weltkrieg-weimar/weimarer-republik/275840/zwischenfestigung-und-gefaehrdung-1924-1929/>.